TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 6 – 2022.
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê C

2. Bà Kim Thị Sà Mết

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 102/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan U**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Ấp I, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Lê C**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: S, Phường C, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng N: Ông Trương Tr, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện V, theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/219 và số 441/NHNoVL-UQ ngày 09/6/2022.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2022 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Phan U trình bày: Vào năm 1994, bà U và ông Lê C tự nguyện chung

sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà U với ông C thường mâu thuẫn về tiền bạc và bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 12 năm 2021, ông C có hành vi dùng dao rượt đánh bà U lúc nửa đêm nên bà U về nhà mẹ ruột sống ở tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, bà U với ông C sống ly thân đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà U yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà U và ông C có 02 người con chung là cháu Lê Th sinh năm 1995 và cháu Lê Kh sinh năm 1996, nay cháu Th và cháu Kh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà U và ông C có đất tại ấp H, xã T, huyện V, hiện ông C đang quản lý. Tài sản này bà U và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà U và ông C có nợ Ngân hàng N Chi nhánh huyện V. Do tài sản chung là quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng thì bà U đã giao cho ông C quản lý, sử dụng nên bà U với ông C thỏa thuận là ông C trả nợ Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lê C thống nhất với lời trình bày của bà U về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Ông C và bà U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994. Do thời điểm chung sống, ông C và bà U lo đi làm nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông C và bà U phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C cũng đồng ý ly hôn với bà U.

Về con chung: Cháu Lê Th sinh năm 1995 và cháu Lê Kh sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C và bà U có đất tại ấp H, xã T, huyện V, hiện ông C đang sử dụng. Tài sản này ông C và bà U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C đồng ý trả nợ Ngân hàng N huyện V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày: Bà U và ông C có vay vốn Ngân hàng N Chi nhánh huyện V, theo hợp đồng tín dụng số 1001/HĐTD ngày 11/12/2004, số tiền vay là 58.000.000 đồng, mục đích vay là nuôi tôm. Để bảo đảm khoản vay, bà U và ông C có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 24.040m^2. Do bà U và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Ngân hàng không yêu cầu bà U và ông C trong vụ án này. Nếu Ngân hàng có yêu cầu bà U và ông C thanh toán nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và

người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71,73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà U với ông C; về con chung, cháu Lê Th sinh năm 1995 và cháu Lê Kh sinh năm 1996, đều đã trưởng thành, ông C và bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung, bà U, ông C và Ngân hàng N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Bà U phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phan U nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Lê C. Khi khởi kiện, ông C có địa chỉ tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà U, ông C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng N đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà U, ông C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà U với ông C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà U với ông Quân.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà U với ông Quân có hai người con chung là cháu Lê Th sinh năm 1995 và cháu Lê Kh sinh năm 1996 đã trưởng thành. Bà U với ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà U với ông C đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà U, ông C và Ngân hàng N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các đương sự khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà U phải chịu 300.000 đồng. Bà U đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000985 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan U với ông Lê C.

2. Về con chung: Cháu cháu Lê Th sinh năm 1995 và cháu Lê Kh sinh năm 1996 đã trưởng thành, bà Phan U và ông Lê C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phan U và ông Lê C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phan U, ông Lê C và Ngân hàng N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Phan U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Phan U đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000985 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.

6 Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- UBND thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

Ngô Trang Thảo